

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 314/2023/HS-ST

Ngày: 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trung Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Công.

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B tham gia phiên toà:**
Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 328/2023/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Huỳnh Quốc N, sinh năm 1998 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh Văn T** và bà **Lâm Thị K**; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2016 đến ngày 08/6/2016 được trả tự do, bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 20/12/2022 cho đến nay. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị hại:**

+ **Công ty T2**; địa chỉ: **Số B N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Dương Quốc K1**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Số B N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

+ **Công ty T2**; địa chỉ: **Tầng B, Tòa nhà R, số I Đ, phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Huỳnh N1**; địa chỉ: **65/68/6 Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: **A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: 2 đường T, Khu I, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị Thùy N2 và bà Lê Thị X. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được việc mua các sản phẩm điện thoại trả góp với thủ tục đơn giản chỉ cần cung cấp giấy Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe cùng 02 số điện thoại người thân là có thể làm hợp đồng vay tiền ngân hàng để mua nên Huỳnh Quốc N nảy sinh ý định dùng giấy tờ tùy thân của người khác đóng giả những người này để vay tín dụng của các Công ty tài chính rồi mua hàng trả góp sau đó chiếm đoạt. Để thực hiện ý định trên N đã đến 01 tiệm cầm đồ không rõ tên và địa chỉ để mua 03 bộ giấy tờ gồm: 03 giấy Chứng minh nhân dân, 03 Giấy phép lái xe với giá 500.000 đồng/01 bộ. Sau đó N xé ảnh của người khác rồi thay bằng ảnh của N trên các loại giấy CMND, giấy phép lái xe vừa mua được và đi ép nhựa lại để sử dụng.

Ngày 25/4/2016, N mang theo 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1994; HKTT: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang đã được thay bằng hình của N đến Cửa hàng T4 tại địa chỉ: A, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh B để mua 01 máy tính bảng Samsung Tab A với giá 7.990.000 đồng. Sau khi được nhân viên soạn thảo hợp đồng trả góp thông qua việc vay tiền của Công ty T2, N trả trước số tiền 1.600.000 đồng, còn lại 6.789.000 đồng sẽ được trả góp cho Công ty TNHH MTV T2 theo định kỳ và được N ký tên “Nguyễn Văn D” xác nhận. N đã nhận tài sản rồi không trả tiền cho Công ty T2 theo hợp đồng. Đối với 01 máy tính bảng Samsung Tab A, N đã bán được số tiền 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 14 giờ ngày 07/06/2016, N mang theo 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; HKTT: ấp D, xã C, huyện L, Sóc Trăng, được thay bằng hình của N đến cửa hàng T4 tại địa chỉ: 7 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B để mua trả góp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7, màu Gold với giá 9.999.000 đồng. Sau khi được nhân viên soạn thảo hợp đồng trả góp thông qua việc vay tiền của Công ty T2, N trả trước số tiền 1.998.000 đồng, còn lại 7.992.000 đồng sẽ được trả góp cho Ngân hàng theo định kỳ và được N ký tên “Nguyễn Văn T1” xác nhận. Sau khi Cửa hàng giao điện thoại cho N thì phát hiện số giấy tờ mà N đưa là giả nên báo Công an phường B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Kết luận giám định số 34/GĐ-PC54 ngày 23/02/2017 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định:

- Phôi, hình dấu chữ ký mang tên “Đặng Hoàng Đ1” và hình dấu tròn có nội dung “* CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM * CONG AN TỈNH SÓC TRĂNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Phôi, hình dấu chữ ký mang tên “Dương Tự L” và hình dấu tròn có nội dung “* CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TP HỒ CHÍ MINH – SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Ảnh trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) đã bị thay ảnh.

- Không đủ cơ sở kết luận tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) có bị thay ảnh hay không.

Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0713/ĐT/2016 ngày 23/8/2016 của Trung tâm P xác định độ tuổi của Huỳnh Quốc N là 18 tuổi 06 tháng (+ - 6 tháng) kể từ ngày giám định 16/8/2016.

Tại bản Cáo trạng số 199/CT-VKS-TA ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Huỳnh Quốc N về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 năm 02 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Về trách nhiệm dân sự:

Công ty T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.864.000 đồng. Công ty T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.391.600 đồng.

Công ty cổ phần T3 không yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại Samsung A7 màu gold và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Huỳnh Quốc N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Bị cáo Huỳnh Quốc N có ý định làm giả giấy tờ tùy thân mang tên người khác rồi đóng giả những người này để vay tín dụng của các Công ty tài chính nhằm

mua hàng trả góp sau đó chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã mua 03 bộ giấy tờ gồm: 03 giấy Chứng minh nhân dân, 03 Giấy phép lái xe mang tên người khác tại tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ, sau đó bị cáo thay ảnh của bị cáo lên các giấy tờ này và ép nhựa lại.

Vào các ngày 25/4/2016 và ngày 07/06/2016, bị cáo **Huỳnh Quốc N** đã dùng các giấy tờ làm giả này đến **Cửa hàng T4** để mua 01 máy tính bảng Samsung Tab A và 01 điện thoại di động **S A7**, màu Gold bằng hình thức hợp đồng trả góp, vay tiền của **Công ty TNHH MTV T2** và **Công ty T2** rồi sau đó chiếm đoạt tài sản mà không trả tiền vay cho **Công ty TNHH MTV T2** với số tiền 10.864.000 đồng và **Công ty T2** với số tiền 8.391.600 đồng.

[2.2] Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo cố tình thực hiện. Sau khi làm giả Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe mang tên người khác, bị cáo dùng các giấy tờ giả này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức và quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Hiện nay, tình hình làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa phương ngày càng xảy ra nhiều, với tính chất tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân cũng như các cơ quan, tổ chức. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[7] **Công ty cổ phần T3** không yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại di động **S A7** màu gold và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên cần sung Ngân sách nhà nước chiếc điện thoại này.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.864.000 đồng. **Công ty T2** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.391.600 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Quốc N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc N** 01 (năm) 04 (bốn) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 08 (tám) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2022, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/6/2016 đến ngày 08/6/2016.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động **S** A7 màu gold.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/3/2017 giữa **Công an thành phố T** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo phải bồi thường cho **Công ty T2** số tiền 10.864.000 đồng và phải bồi thường cho **Công ty T2** số tiền 8.391.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Bị cáo **Huỳnh Quốc N** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 963.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Tín